

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: 07/2018/DS-ST
Ngày 11 tháng 4 năm 2018
V/v: “*Tranh chấp Hợp
đồng vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tám

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô rô Be
2. Bà: Phan Thị Trúc Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Nhật-Th- ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia

Trong ngày 11 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Kiên Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST-DS ngày 14 tháng 6 năm 2017 về “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2018/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà V, sinh năm 1950 (có mặt);

Trú tại: Khu phố B, thị trấn H, huyện H, tỉnh Kiên Giang

- Bị đơn: Ông T (S) (vắng mặt).

Trú tại: ấp Kinh A, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11 tháng 4 năm 2017 và các lời trình bày tiếp theo của nguyên đơn, bà V như sau:

Ông T (S) có hỏi bạc góp của tôi 03 lần vào các ngày 05 tháng 4 năm 2016, ngày 12 tháng 4 năm 2016 và ngày 13 tháng 4 năm 2016, mỗi lần 10.000.000đồng góp ngày 200.000đồng. Tổng cộng 03 lần bằng 30.000.000đồng

để làm vốn mua bán gà - vịt, ông T (S) đã góp cho tôi được 06 lần bằng 1.200.000đồng rồi ngưng không góp nữa. Tôi thấy ông T (S) thiếu trung thực trong việc khai tên họ của mình cụ thể lúc làm biên nhận nợ thì để tên (S), còn sau này tôi được biết thì tên T. Nay tôi yêu cầu ông T (S) phải trả 30.000.000đồng vốn gốc và tính lãi theo quy định của nhà nước.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, Tòa án tiến hành lập biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cụ thể như sau: Bà V căn cứ vào 03 giấy biên nhận ngày 05, ngày 12 và ngày 13 tháng 4 năm 2016 với tổng số tiền 30.000.000đồng do ông T (S) hỏi bạc góp còn nợ bà, đồng thời bà giữ nguyên yêu cầu theo đơn khởi kiện là yêu cầu ông T (S) phải trả cho bà 30.000.000đồng tiền vốn gốc và tính lãi theo quy định của nhà nước từ ngày quyền, lợi ích bị xâm phạm là ngày 13 tháng 4 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được với lý do ông T (S) vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thực hiện các bước nh- cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nh- ng bị đơn ông T (S) cố tình lánh mặt, không hợp tác cùng với Tòa án để giải quyết vụ kiện, do đó có căn cứ để áp dụng chương X (từ Điều 170 đến Điều 175) và Điều 177, Điều 178 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn ông T (S).

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy, đây là giao dịch hợp đồng vay tài sản dưới hình thức cho bạc góp giữa bà V và ông T (S) được quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự; Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định: *“Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định”*.

[3] Hội đồng xét xử xét thấy:

- Giữa bà V và ông T (S) có giao dịch vay tiền với nhau, điều này được thể hiện qua 03 biên nhận, mỗi biên nhận ông T (S) ký nợ 10.000.000đồng bằng 30.000.000đồng. Sau đó, khi đến hạn ông T (S) không hoàn thành thanh toán tiền vay đầy đủ mặc dù bà V có nhắc nhở nhiều lần, từ đó bà V nhận thấy không thể

thương lượng được nữa nên làm đơn khởi kiện yêu cầu ông T (S) trả nợ, việc bà V khởi kiện nhằm mục đích bảo vệ quyền, lợi ích bị xâm phạm là có căn cứ cần được chấp nhận để xem xét giải quyết.

- Thấy rằng, đối với ông T (S) là bị đơn, sau khi được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì không hợp tác với Tòa án mà cố tình lánh mặt, nhằm trốn tránh trách nhiệm trả tiền cho bà V. Do đó, thấy rằng ông T (S) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nghĩ nên xử buộc ông T (S) phải có nghĩa vụ trả cho bà V 30.000.000đồng tiền vốn gốc là phù hợp.

[4] Xét yêu cầu tính lãi suất theo quy định của Nhà nước trên số nợ vốn vay là 30.000.000đồng của bà V từ ngày góp sau cùng là ngày 13 tháng 4 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11 tháng 4 năm 2018) bằng 23 tháng 28 ngày là phù hợp, nghĩ nên chấp nhận cụ thể như sau: $30.000.000đ \times 23 \text{ tháng } 28 \text{ ngày} \times 0,75\%/tháng = 5.385.000đ + 30.000.000đ = 35.385.000đ$ đồng, nhưng được trừ đi số tiền mà ông T (S) đã góp cho bà Vẽ là 6 lần bằng 1.200.000đồng, còn lại 34.185.000đ (ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

[5] Ngoài ra, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đ-ơng sự, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T (S) chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ơng ứng đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông T (S) phải nộp án phí có giá ngạch theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban th-ơng vụ Quốc hội 14 Qui định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*” cụ thể như sau: $34.185.000đ \times 5\% = 1.709.250đ$ đồng làm tròn 1.710.000.000đ (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Bà V đ-ợc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007504, ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng khoản 3 Điều 26, Chương X (từ Điều 170 đến Điều 175) và Điều 177, Điều 178 và Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật dân sự:

- Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” giữa nguyên đơn bà V đối với bị đơn ông T (S)

- Xử buộc ông T (S) có nghĩa vụ trả cho bà Vẽ 34.185.000đ (ba mươi bốn triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

2. Áp dụng Điều 357 của Bộ luật dân sự, kể từ ngày bà V có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T (S) chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi t-ơng ứng

đối với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 3; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 Qui định về “*Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”, xử buộc ông T (S) phải nộp án phí có giá ngạch 5% cụ thể nh- sau: $34.185.000đ \times 5\% = 1.709.250đ$ đồng làm tròn 1.710.000.000đ (một triệu bảy trăm mười nghìn đồng).

- Bà V đ- ọc nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007504, ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 11 tháng 4 năm 2018, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Tân Hiệp;
- Chi cục THA-DS huyện Tân Hiệp;
- UBND xã, thị trấn;
- Các đ- ơng sự;
- L- u hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa